

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

Câu 1: Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

- A. sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.
- B. thị trường thế giới ngày càng mở rộng và hàng hoá đa dạng.
- C. tăng cường nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
- D. có nhiều thành phần kinh tế tham gia và sản xuất phát triển.

Câu 2: Thế mạnh để phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long là

- A. địa hình thấp và bị cắt xẻ nhiều hình thành nên các vùng trũng.
- B. khí hậu có tính cận xích đạo, phân hoá hai mùa mưa khô rõ rệt.
- C. tài nguyên sinh vật phong phú, có các khu dự trữ sinh quyển.
- D. đồng bằng châu thổ rộng, đất phù sa sông có diện tích lớn.

Câu 3: Tây Nguyên là vùng chuyên canh lớn của nước ta về

- A. cây công nghiệp lâu năm.
- B. cây lương thực, thực phẩm.
- C. cây dược liệu.
- D. cây công nghiệp hàng năm.

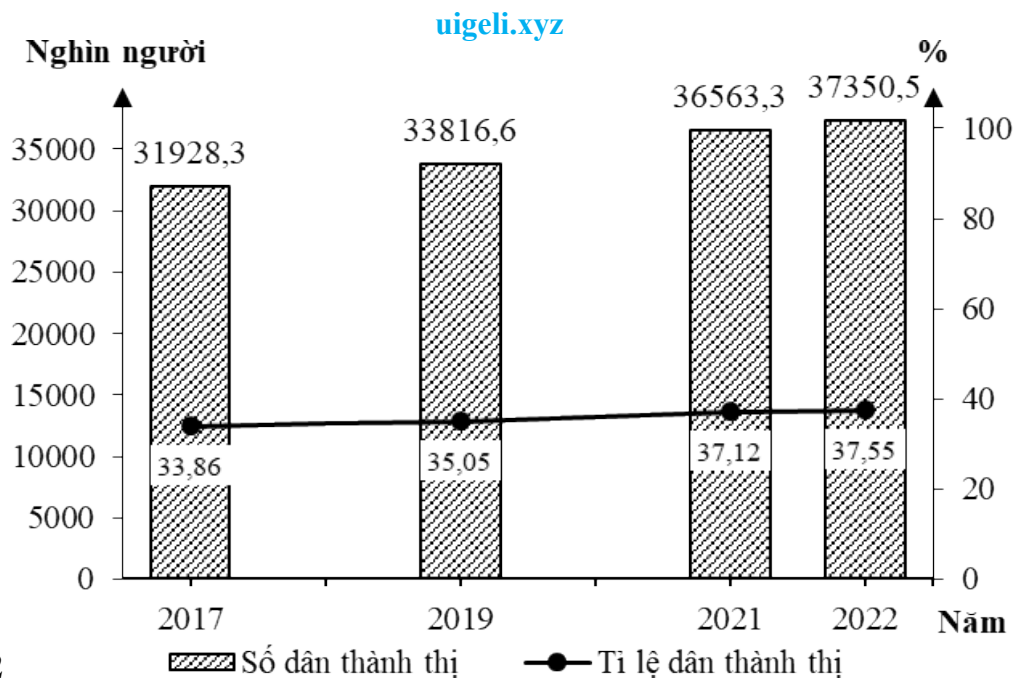
Câu 4: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang.
- B. tiến hành tăng vụ.
- C. đẩy mạnh thâm canh.
- D. bón phân thích hợp.

Câu 5: Vùng nào sau đây có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 6: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Giai đoạn 2017 - 2022, số dân thành thị tăng 1,17 lần.
- B. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều giảm.
- C. Giai đoạn 2017 - 2022, tỉ lệ dân thành thị giảm 3,69%.
- D. Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.

Câu 7: Phần đất liền của nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

- A. Ma-lai-xi-a. B. Thái Lan. C. Lào. D. Mi-an-ma.

Câu 8: Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay?

- A. Lai Châu. B. Sơn La. C. Hoà Bình. D. Yaly.

Câu 9: Cây công nghiệp hàng năm ở nước ta hiện nay

- A. mang lại giá trị xuất khẩu rất lớn. B. được trồng nhiều ở các đồng bằng.
- C. tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ. D. chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 10: Điều kiện để Bắc Trung Bộ hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm là

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, đồi trước núi, đất feralit khá màu mỡ.
- B. dải đồng bằng ven biển hẹp ngang, kéo dài, chủ yếu là đất cát pha.
- C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá.
- D. lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và có đủ đồi, núi, đồng bằng, biển đảo.

Câu 11: Loại hình vận tải có khối lượng vận chuyển hàng hoá lớn nhất nước ta là

- A. đường hàng không. B. đường sắt. C. đường ô tô. D. đường biển.

Câu 12: Huyện đảo nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Phú Quý. B. Côn Cỏ. C. Hoàng Sa. D. Cô Tô.

Câu 13: Trung tâm du lịch biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

- A. Hải Phòng. B. Vũng Tàu. C. Nha Trang. D. Phú Quốc.

Câu 14: Dân cư nông thôn của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

- A. Chiếm tỉ lệ thấp và ngày càng giảm B. Chiếm tỉ lệ cao và ngày càng tăng.
C. Chiếm tỉ lệ thấp và ngày càng tăng. D. Chiếm tỉ lệ cao và ngày càng giảm.

Câu 15: Việc mở rộng diện tích trồng các loại cây ăn quả và mặt nước nuôi trồng thủy sản hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm mục đích chủ yếu là

- A. đảm bảo hiệu quả cao, thích ứng với nước biển dâng, thu hút vốn.
B. tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập, thích ứng với biến đổi khí hậu.
C. thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng năng suất, thu hút nguồn đầu tư.
D. phát huy thế mạnh, tạo nguồn hàng trong nước, nâng cao sản lượng.

Câu 16: Tài nguyên đất của nước ta bị suy thoái nhiều nơi nguyên nhân chủ yếu do

- A. đốt rừng làm nương rẫy. B. chất thải công nghiệp.

3 C. sử dụng phân hoá học.

- D. khai thác quá mức.

Câu 17: Đồng bằng sông Hồng là vùng có

- A. số dân chiếm một nửa cả nước. B. mật độ dân số cao nhất cả nước.
C. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp. D. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

Câu 18: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo thuận lợi cho nước ta

- A. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
B. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, hoạt động sản xuất diễn ra quanh năm.
C. đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
D. đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc lớn.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Cho thông tin sau:

Dịch vụ là một trong những ngành kinh tế quan trọng và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Ngành dịch vụ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế, giải quyết việc làm, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

a) Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu GDP của nước ta.

- b)** Dân cư và nguồn lao động là động lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển và đa dạng hoá cơ cấu ngành dịch vụ.
- c)** Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, cung ứng dịch vụ logistic, du lịch quốc tế...
- d)** Ngành dịch vụ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và góp phần bảo vệ môi trường.

Câu 2: Cho thông tin sau:

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 – 700m ở miền Bắc và dưới 900 – 1000m ở miền Nam. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

- a)** Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.
- b)** Khí hậu mát mẻ, lượng mưa và độ ẩm tăng dần theo độ cao.
- c)** Điều kiện khí hậu, đất đai tạo thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- d)** Đất ở đồng bằng chủ yếu là đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn.

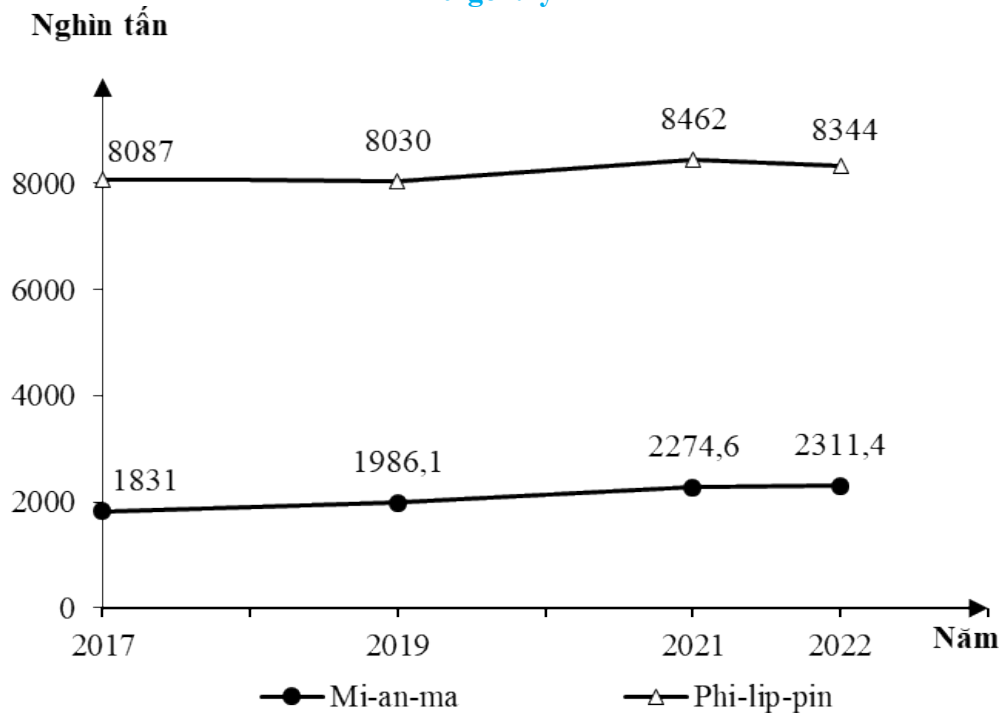
Câu 3: Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao, điển hình là dãy Hoàng Liên Sơn. Đất fe-ra-lit đỏ vàng chiếm 2/3 diện tích của vùng.

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển: trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn,...

- a)** Cây chè phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do diện tích đất fe-ra-lit lớn, địa hình đồi núi cao.
- b)** Sự phân hóa địa hình, đất, khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.
- c)** Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của nước ta.
- d)** Vùng có thế mạnh để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023)

- a) Năm 2022, sản lượng ngô của Phi-lip-pin gấp 3,61 lần Mi-an-ma.
b) Giai đoạn 2017 - 2022, tốc độ tăng sản lượng ngô của Mi-an-ma hơn tốc độ tăng sản lượng ngô Phi-lip-pin 25,6%.
c) Năm 2022 so với năm 2017, sản lượng ngô của Mi-an-ma tăng 480,4 nghìn tấn.
d) Giai đoạn 2017 - 2022, tốc độ tăng sản lượng ngô của Mi-an-ma là 146%.

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm 2023 tại trạm quan trắc Huế

(Đơn vị: °C)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Nhiệt độ	19,0	22,2	23,5	27,4	28,9	29,9	30,1	30,4	28,1	26,0	24,6	22,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt năm 2023 của trạm quan trắc Huế là bao nhiêu °C? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 2: Cho bảng số liệu:

Khối lượng hàng hoá vận chuyển của cả nước và ngành vận tải đường bộ năm 2010 và năm 2023

Năm	2010	2023
Tổng số	800 886,0	2 351 241,7
Trong đó: Đường bộ	587 014,2	1 842 204,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ năm 2023 hơn tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ năm 2010 bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 3: Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình hàng tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Quy Nhơn
và trạm quan trắc Pleiku**

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Quy Nhơn	140,4	105,1	28,6	10,6	84,3	42,2	107,6	11,9	324,9	449,2	393,7	178,0
Pleiku	10,3	0,4	4,9	38,0	279,3	362,2	539,7	295,2	499,4	280,2	17,9	0,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lượng mưa cả năm của Pleiku lớn hơn tổng lượng mưa cả năm của Quy Nhơn bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 4: Năm 2023, dân số của nước ta là 100,3 triệu người, tỉ lệ dân nông thôn là 61,9%. Hãy cho biết dân số nông thôn của nước ta năm 2023 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 5: Năm 2023, nước ta có sản lượng điện đạt 268,3 tỉ kWh, dân số là 100,3 triệu người. Hãy cho biết, sản lượng điện bình quân đầu người năm 2023 của nước ta là bao nhiêu kWh/người (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6: Năm 2023, trị giá xuất khẩu nước ta là 354,7 tỉ USD, trị giá nhập khẩu của nước ta là 326,4 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2023 là bao nhiêu tỉ USD. (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

----- HẾT -----

SỞ GD&ĐT LÀO CAI
ĐỀ CHÍNH THỨC

KỲ THI TỐT NGHIỆP TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
NĂM HỌC 2024 - 2025
MÔN THI: ĐỊA LÍ

(Thời gian làm bài: 50 phút, không kể thời gian phát đề)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

PHẦN I. Câu trắc nghiệm nhiều phương án lựa chọn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 18. Mỗi câu hỏi thí sinh chỉ chọn một phương án

1.A	2.C	3.A	4.A	5.B	6.A	7.C	8.B	9.B	10.A
11.C	12.B	13.C	14.D	15.B	16.D	17.B	18.B		

Câu 1: Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do

- A.** sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.
- B.** thị trường thế giới ngày càng mở rộng và hàng hoá đa dạng.
- C.** tăng cường nhập khẩu tư liệu sản xuất và hàng tiêu dùng.
- D.** có nhiều thành phần kinh tế tham gia và sản xuất phát triển.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm ngành thương mại (phần ngoại thương) và chỉ ra nguyên nhân giúp ngành ngoại thương phát triển mạnh.

Cách giải:

Kim ngạch xuất, nhập khẩu của nước ta liên tục tăng chủ yếu do sự phát triển kinh tế và những đổi mới trong cơ chế quản lí.

- Sự phát triển kinh tế: Khi nền kinh tế tăng trưởng, nhu cầu trao đổi hàng hóa trong và ngoài nước cũng tăng lên. Các ngành sản xuất phát triển cần nhập khẩu nguyên liệu, máy móc và xuất khẩu sản phẩm làm ra.
- Những đổi mới trong cơ chế quản lí: Các chính sách mở cửa, hội nhập kinh tế quốc tế, cải cách thủ tục hành chính trong lĩnh vực xuất nhập khẩu tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động ngoại thương phát triển.

B sai vì thiếu yếu tố sản xuất hàng hoá.

C sai vì đáp án chưa đề cập đến nguyên nhân làm tăng kim ngạch xuất khẩu.

D sai vì đáp án chưa đề cập tới yếu tố thị trường (ngành ngoại thương phụ thuộc rất nhiều vào thị trường).

Chọn A.

Câu 2: Thế mạnh để phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long là

A. địa hình thấp và bị cắt xẻ nhiều hình thành nên các vùng trũng.

B. khí hậu có tính cận xích đạo, phân hoá hai mùa mưa khô rõ rệt.

C. tài nguyên sinh vật phong phú, có các khu dự trữ sinh quyển.

D. đồng bằng châu thổ rộng, đất phù sa sông có diện tích lớn.

Câu 2 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lí tự nhiên Đồng bằng sông Cửu Long.

Cách giải:

Thế mạnh để phát triển du lịch ở Đồng bằng sông Cửu Long là tài nguyên sinh vật phong phú, có các khu dự trữ sinh quyển. Đồng bằng sông Cửu Long nổi tiếng với hệ sinh thái đa dạng và phong phú, bao gồm rừng tràm, các loài chim quý hiếm, cá nước ngọt, và các loài động thực vật đặc trưng của vùng sông nước. Các khu dự trữ sinh quyển như U Minh Thượng, U Minh Hạ, Đồng Tháp Mười là những điểm đến hấp dẫn cho du khách yêu thích khám phá thiên nhiên và sinh thái.

Chọn C.

Câu 3: Tây Nguyên là vùng chuyên canh lớn của nước ta về

A. cây công nghiệp lâu năm.

B. cây lương thực, thực phẩm.

C. cây dược liệu.

D. cây công nghiệp hàng năm.

Câu 3 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào sự phát triển và phân bố các ngành kinh tế Tây Nguyên.

Cách giải:

Tây Nguyên là vùng chuyên canh lớn của nước ta về cây công nghiệp lâu năm. Đây là vùng trồng cây công nghiệp lâu năm lớn thứ hai cả nước chỉ sau Đông Nam Bộ.

Chọn A.

Câu 4: Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là

- A. làm ruộng bậc thang.
- B. tiến hành tăng vụ.
- C. đẩy mạnh thâm canh.
- D. bón phân thích hợp.

Câu 4 (NB):

Phương pháp:

Gạch chân từ khoá: xói mòn, đồi núi.

Dựa vào nội dung một số thiên tai, nguyên nhân, hậu quả và biện pháp phòng chống (Chuyên đề Địa lí 12).

Cách giải:

Biện pháp hạn chế xói mòn đất ở đồi núi nước ta là làm ruộng bậc thang. Các bậc thang có tác dụng chắn dòng chảy của nước mưa, làm giảm tốc độ dòng chảy, từ đó hạn chế khả năng cuốn trôi đất và chất dinh dưỡng trên bề mặt. Các bờ ruộng cũng giúp giữ đất lại, ngăn chặn tình trạng sạt lở.

Chọn A.

Câu 5: Vùng nào sau đây có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta?

- A. Đông Nam Bộ.
- B. Trung du và miền núi Bắc Bộ.
- C. Đồng bằng sông Cửu Long.
- D. Đồng bằng sông Hồng.

Câu 5 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung mạng lưới đô thị.

Cách giải:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có số lượng đô thị nhiều nhất nước ta.

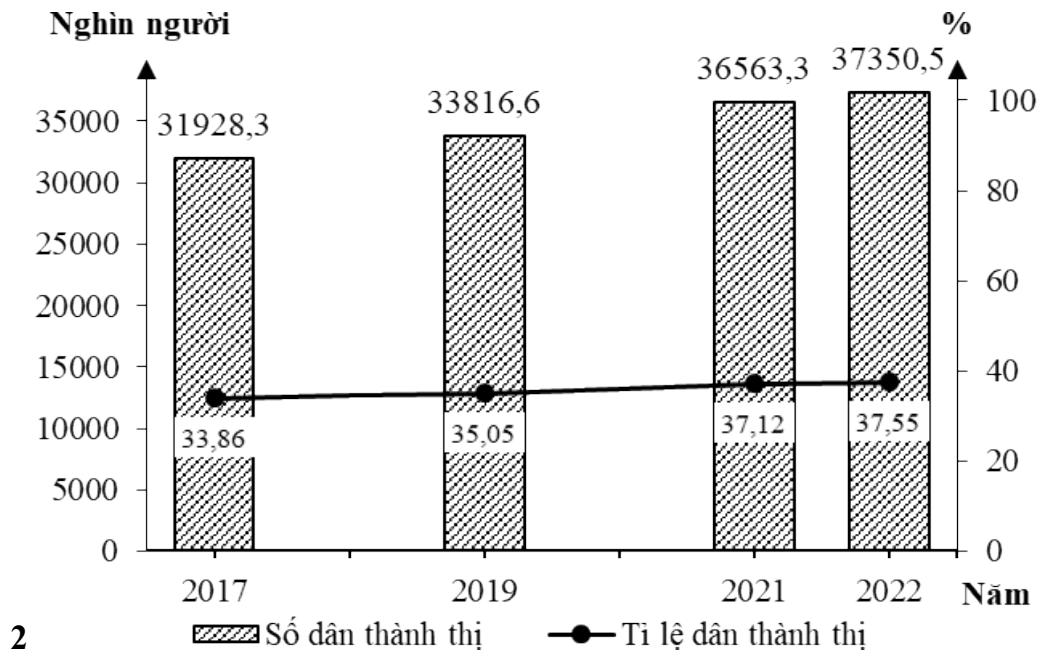
**SỐ LƯỢNG ĐÔ THỊ VÀ SỐ DÂN ĐÔ THỊ
THEO VÙNG CỦA NƯỚC TA NĂM 2021**

Các vùng	Số lượng đô thị (đô thị)	Trong đó			Số dân đô thị (triệu người)
		Thành phố	Thị xã	Thị trấn	
Trung du và miền núi Bắc Bộ	158	15	5	138	2,7
Đồng bằng sông Hồng	140	18	6	116	8,7
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	181	17	19	145	6,7
Tây Nguyên	60	6	3	51	1,7
Đông Nam Bộ	56	12	7	37	12,2
Đồng bằng sông Cửu Long	154	19	10	125	4,6
Cả nước	749	87	50	612	36,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2022)

Chọn B.

Câu 6: Cho biểu đồ:



Nhận xét nào sau đây đúng với biểu đồ trên?

- A. Giai đoạn 2017 - 2022, số dân thành thị tăng 1,17 lần.
- B. Số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều giảm.
- C. Giai đoạn 2017 - 2022, tỉ lệ dân thành thị giảm 3,69%.
- D. Số dân thành thị tăng, tỉ lệ dân thành thị giảm.

Câu 6 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị nước ta giai đoạn 2017 – 2022; chọn nhận xét đúng.

Cách giải:

A đúng vì giai đoạn 2017 - 2022, số dân thành thị tăng: $37350,5/31928,3 = 1,17$ lần.

B, D sai vì số dân thành thị và tỉ lệ dân thành thị đều tăng.

C sai vì giai đoạn 2017 - 2022, tỉ lệ dân thành thị tăng: $37,55 - 33,86 = 3,69\%$.

Chọn A.

Câu 7: Phần đất liền của nước ta tiếp giáp với quốc gia nào sau đây?

A. Ma-lai-xi-a.

B. Thái Lan.

C. Lào.

D. Mi-an-ma.

Câu 7 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào đặc điểm vị trí địa lí và phạm vi lãnh thổ.

Cách giải:

Phần đất liền của nước ta tiếp giáp với Lào.

Phần đất liền của nước ta không tiếp giáp với Ma-lai-xi-a, Thái Lan và Mi-an-ma.

Chọn C.

Câu 8: Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất ở nước ta hiện nay?

A. Lai Châu.

B. Sơn La.

C. Hoà Bình.

D. Yaly.

Câu 8 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành công nghiệp sản xuất điện.

Cách giải:

Nhà máy thủy điện nào sau đây có công suất lớn nhất ở nước ta là Sơn La (2 400 MW). Đây cũng là nhà máy thủy điện có công suất lớn nhất Đông Nam Á.

Chọn B.

Câu 9: Cây công nghiệp hàng năm ở nước ta hiện nay

A. mang lại giá trị xuất khẩu rất lớn.

B. được trồng nhiều ở các đồng bằng.

C. tập trung chủ yếu ở Đông Nam Bộ.

D. chủ yếu có nguồn gốc cận nhiệt.

Câu 9 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào sự phát triển và phân bố ngành nông nghiệp (phần ngành trồng trọt).

Cách giải:

Cây công nghiệp hàng năm ở nước ta hiện nay được trồng nhiều ở các đồng bằng. Đây là nơi có đất phù sa, đất cát pha (ở ven biển) thích hợp cho trồng cây công nghiệp hàng năm.

A sai vì hiệu quả sản xuất, giá trị của cây công nghiệp hàng năm thấp.

C sai vì cây công nghiệp hàng năm tập trung ở nhiều vùng khác nhau. Ví dụ: mía được trồng nhiều ở Đồng bằng sông Cửu Long, Đông Nam Bộ, Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung; lạc ở đồng bằng Bắc Trung Bộ; đậu tương ở Trung du và miền núi Bắc Bộ;...

D sai vì cây công nghiệp hàng năm ở nước ta hiện nay chủ yếu có nguồn gốc nhiệt đới.

Chọn B.

Câu 10: Điều kiện để Bắc Trung Bộ hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm là

- A. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, đồi trước núi, đất feralit khá màu mỡ.
- B. dải đồng bằng ven biển hẹp ngang, kéo dài, chủ yếu là đất cát pha.
- C. khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh, có sự phân hoá.
- D. lãnh thổ kéo dài, hẹp ngang và có đủ đồi, núi, đồng bằng, biển đảo.

Câu 10 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào thế mạnh, hạn chế để hình thành và phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản Bắc Trung Bộ.

Cách giải:

Điều kiện để Bắc Trung Bộ hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm là khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, đồi trước núi, đất feralit khá màu mỡ.

- Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa: Khí hậu này cung cấp nhiệt độ và lượng mưa dồi dào, rất thuận lợi cho sự phát triển của nhiều loại cây công nghiệp lâu năm như cao su, cà phê, hồ tiêu, chè.
- Đồi trước núi: Vùng đồi trước núi có địa hình dốc vừa phải, thoát nước tốt, tránh được ngập úng vào mùa mưa; diện tích rộng => Đây là điều kiện lý tưởng cho nhiều loại cây công nghiệp lâu năm sinh trưởng và phát triển.
- Đất feralit khá màu mỡ: Đất feralit hình thành trên đá mẹ badan và các loại đá khác thường có tầng dày, giàu chất dinh dưỡng, thích hợp cho việc trồng các loại cây công nghiệp lâu năm có giá trị kinh tế cao.

B sai vì đất cát pha thích hợp trồng cây công nghiệp hàng năm, cây công nghiệp lâu năm thích hợp trồng trên đất fe-ra-lit.

C, D sai vì đó không phải là các điều kiện thích hợp để hình thành vùng chuyên canh cây công nghiệp lâu năm.

Chọn A.

Câu 11: Loại hình vận tải có khối lượng vận chuyển hàng hoá lớn nhất nước ta là

- A. đường hàng không. B. đường sắt. C. đường ô tô. D. đường biển.

Câu 11 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào ngành giao thông vận tải nước ta.

Cách giải:

Loại hình vận tải có khối lượng vận chuyển hàng hoá lớn nhất nước ta là đường ô tô.

**KHỐI LƯỢNG HÀNG HOÁ VẬN CHUYỂN
PHÂN THEO NGÀNH VẬN TẢI CỦA NƯỚC TA GIAI ĐOẠN 2010 – 2021**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	Đường ô tô	Đường sắt	Đường sông	Đường biển	Đường hàng không
2010	587 014	7 862	144 227	61 593	190
2015	882 628	6 707	201 531	60 800	229
2019	1 319 853	5 205	268 026	77 088	446
2021	1 303 328	5 660	242 366	69 961	284

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, 2016, 2022)

Chọn C.

Câu 12: Huyện đảo nào sau đây thuộc Bắc Trung Bộ?

- A. Phú Quý. B. Cồn Cỏ. C. Hoàng Sa. D. Cô Tô.

Câu 12 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khái quát Bắc Trung Bộ (phần phạm vi lãnh thổ).

Cách giải:

Cồn Cỏ là huyện đảo thuộc tỉnh Quảng Trị, Bắc Trung Bộ.

A sai vì huyện đảo Phú Quý thuộc tỉnh Bình Thuận, Duyên hải Nam Trung Bộ.

C sai vì huyện đảo Hoàng Sa thuộc TP Đà Nẵng, Duyên hải Nam Trung Bộ.

D sai vì huyện đảo Cô Tô thuộc tỉnh Quảng Ninh, Đồng bằng sông Hồng.

Chọn B.

Câu 13: Trung tâm du lịch biển nào sau đây thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ?

A. Hải Phòng.

B. Vũng Tàu.

C. Nha Trang.

D. Phú Quốc.

Câu 13 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào các ngành kinh tế biển của Duyên hải Nam Trung Bộ (phần ngành du lịch biển).

Cách giải:

Nha Trang thuộc tỉnh Khánh Hoà, là trung tâm du lịch biển thuộc Duyên hải Nam Trung Bộ.

A sai vì Hải Phòng là trung tâm du lịch biển thuộc Đồng bằng sông Hồng.

B sai vì Vũng Tàu là trung tâm du lịch biển thuộc Đông Nam Bộ.

D sai vì Phú Quốc là trung tâm du lịch biển thuộc Đồng bằng sông Cửu Long.

Chọn C.

Câu 14: Dân cư nông thôn của nước ta có đặc điểm nào sau đây?

A. Chiếm tỉ lệ thấp và ngày càng giảm

B. Chiếm tỉ lệ cao và ngày càng tăng.

C. Chiếm tỉ lệ thấp và ngày càng tăng.

D. Chiếm tỉ lệ cao và ngày càng giảm.

Câu 14 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung dân số nước ta (phần phân bố dân cư).

Cách giải:

Dân cư nông thôn của nước ta có đặc điểm chiếm tỉ lệ cao và ngày càng giảm (năm 2021: tỉ lệ dân nông thôn của nước ta là 62,9% và có xu hướng giảm).

Chọn D.

Câu 15: Việc mở rộng diện tích trồng các loại cây ăn quả và mặt nước nuôi trồng thủy sản hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm mục đích chủ yếu là

A. đảm bảo hiệu quả cao, thích ứng với nước biển dâng, thu hút vốn.

- B. tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập, thích ứng với biến đổi khí hậu.
- C. thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng năng suất, thu hút nguồn đầu tư.
- D. phát huy thế mạnh, tạo nguồn hàng trong nước, nâng cao sản lượng.

Câu 15 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung phát triển sản xuất lương thực và thực phẩm Đồng bằng sông Cửu Long và liên hệ về mục đích chủ yếu của việc mở rộng diện tích trồng các loại cây ăn quả và mặt nước nuôi trồng thủy sản.

Cách giải:

Việc mở rộng diện tích trồng các loại cây ăn quả và mặt nước nuôi trồng thủy sản hiện nay ở Đồng bằng sông Cửu Long nhằm mục đích chủ yếu là tăng hiệu quả kinh tế, nâng cao thu nhập, thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Tăng hiệu quả kinh tế và nâng cao thu nhập: Cây ăn quả có giá trị kinh tế cao và thị trường tiêu thụ rộng lớn. Nuôi trồng thủy sản, đặc biệt là các loại có giá trị xuất khẩu, cũng mang lại nguồn thu nhập ổn định và tiềm năng tăng trưởng lớn cho người dân. Việc mở rộng diện tích giúp tăng sản lượng và giá trị sản xuất, từ đó nâng cao đời sống kinh tế của người dân trong vùng.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu: Đồng bằng sông Cửu Long là một trong những vùng chịu ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, đặc biệt là tình trạng xâm nhập mặn và hạn hán. Việc chuyển đổi sang các mô hình canh tác cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản có khả năng chịu mặn tốt hơn, sử dụng ít nước ngọt hơn so với trồng lúa truyền thống, giúp người dân thích ứng và giảm thiểu rủi ro do biến đổi khí hậu gây ra.

Chọn B.

Câu 16: Tài nguyên đất của nước ta bị suy thoái nhiều nơi nguyên nhân chủ yếu do

- A. đốt rừng làm nương rẫy.
- B. chất thải công nghiệp.
- 3 C. sử dụng phân hoá học.
- D. khai thác quá mức.

Câu 16 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung sử dụng hợp lý tài nguyên thiên nhiên (phần tài nguyên đất).

Cách giải:

Tài nguyên đất của nước ta bị suy thoái nhiều nơi nguyên nhân chủ yếu do khai thác quá mức.

Chọn D.

Câu 17: Đồng bằng sông Hồng là vùng có

- A. số dân chiếm một nửa cả nước.
- B. mật độ dân số cao nhất cả nước.
- C. tỉ lệ dân thành thị còn rất thấp.
- D. gia tăng dân số tự nhiên rất cao.

Câu 17 (NB):

Phương pháp:

Dựa vào nội dung khái quát Đồng bằng sông Hồng (phần dân số).

Cách giải:

Đồng bằng sông Hồng là vùng có mật độ dân số cao nhất cả nước. Năm 2021, mật độ dân số của vùng là 1 091 người/km².

A, C, D sai vì dân số của Đồng bằng sông Hồng chiếm 23,6% dân số cả nước; tỉ lệ dân thành thị là 37,6% và gia tăng dân số tự nhiên là 0,94%.

Chọn B.

Câu 18: Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo thuận lợi cho nước ta

- A. đẩy mạnh thâm canh, tăng vụ, đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vật nuôi.
- B. phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, hoạt động sản xuất diễn ra quanh năm.
- C. đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.
- D. đẩy mạnh sản xuất các sản phẩm nông nghiệp nhiệt đới, chăn nuôi gia súc lớn.

Câu 18 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào ảnh hưởng của thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa đến sản xuất, đời sống.

Cách giải:

Thiên nhiên nhiệt đới ẩm gió mùa tạo thuận lợi cho nước ta phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới, hoạt động sản xuất diễn ra quanh năm.

- Nền nông nghiệp nhiệt đới: Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa với nhiệt độ cao, lượng mưa lớn và độ ẩm không khí cao là điều kiện lý tưởng cho sự phát triển của nhiều loại cây trồng và vật nuôi nhiệt đới.

- Hoạt động sản xuất diễn ra quanh năm: Với hai mùa rõ rệt nhưng nhiệt độ trung bình năm cao, nước ta có thể trồng trọt và chăn nuôi quanh năm, tối đa hóa việc sử dụng đất đai và nguồn lực.

A, C sai vì do sự phân hoá về khí hậu nên nước ta có thể đa dạng hóa cơ cấu cây trồng, vật nuôi; đa dạng hóa các sản phẩm nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy sản.

D sai vì đáp án chưa thể hiện đầy đủ.

Chọn B.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a), b), c), d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu	1	2	3	4
Đáp án	SĐĐĐ	SSĐĐ	SĐĐĐ	ĐSĐS

Câu 1: Cho thông tin sau:

Dịch vụ là một trong những ngành kinh tế quan trọng và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam. Ngành dịch vụ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập quốc tế, giải quyết việc làm, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.

- a) Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng nhỏ nhất trong cơ cấu GDP của nước ta.
- b) Dân cư và nguồn lao động là động lực để đẩy nhanh tốc độ phát triển và đa dạng hoá cơ cấu ngành dịch vụ.
- c) Vị trí địa lí tạo thuận lợi cho nước ta mở rộng thị trường xuất, nhập khẩu, cung ứng dịch vụ logistic, du lịch quốc tế...
- d) Ngành dịch vụ thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội và góp phần bảo vệ môi trường.

Câu 1 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung vai trò, các nhân tố ảnh hưởng đến sự phát triển và phân bố các ngành dịch vụ.

Cách giải:

- a) Sai. Đoạn thông tin có đề cập: “Dịch vụ là một trong những ngành kinh tế quan trọng và chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu GDP của nhiều quốc gia trên thế giới, trong đó có Việt Nam.” => Ngành dịch vụ chiếm tỉ trọng cao trong cơ cấu kinh tế.
- b) Đúng. Dân số đông và lực lượng lao động dồi dào tạo ra thị trường tiêu thụ lớn cho các dịch vụ, đồng thời cung cấp nguồn nhân lực cho sự phát triển và đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.
- c) Đúng. Vị trí địa lý của Việt Nam thuận lợi cho giao thương quốc tế, phát triển các dịch vụ vận tải (logistic) và thu hút khách du lịch quốc tế.
- d) Đúng. Đoạn thông tin có đề cập: “Ngành dịch vụ thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, hội nhập

quốc tế, giải quyết việc làm, sử dụng hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và bảo vệ môi trường.”

Câu 2: Cho thông tin sau:

Nằm ở độ cao trung bình dưới 600 – 700m ở miền Bắc và dưới 900 – 1000m ở miền Nam. Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C; độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực. Có hai nhóm đất chính là đất phù sa ở vùng đồng bằng và đất feralit ở vùng đồi núi thấp.

- a) Đây là đặc điểm của đai cận nhiệt đới gió mùa trên núi.
- b) Khí hậu mát mẻ, lượng mưa và độ ẩm tăng dần theo độ cao.
- c) Điều kiện khí hậu, đất đai tạo thuận lợi cho phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới.
- d) Đất ở đồng bằng chủ yếu là đất phù sa sông, đất phèn, đất mặn.

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung sự phân hoá đa dạng của thiên nhiên (phần thiên nhiên phân hoá theo độ cao).

Cách giải:

- a) Sai. Dựa vào các đặc điểm trong nội dung trên, đó chính là đặc điểm của đai nhiệt đới gió mùa trên núi.
- b) Sai. “Mùa hạ nóng, nhiệt độ trung bình các tháng trên 25°C” => mùa hạ nóng, không phải là khí hậu mát mẻ. Bên cạnh đó, lượng mưa, độ ẩm thay đổi theo mùa và theo khu vực.
- c) Đúng. Nhiệt độ cao, độ ẩm thay đổi theo mùa và sự có mặt của đất phù sa màu mỡ ở đồng bằng và đất feralit ở đồi núi thấp là những điều kiện thuận lợi cho sự phát triển của nhiều loại cây trồng và vật nuôi nhiệt đới.
- d) Đúng. Thông tin đã đề cập đến đất phù sa ở vùng đồng bằng. Tuy nhiên, ở các vùng ven biển và vùng trũng thấp của đồng bằng còn có đất phèn và đất mặn, đây là những loại đất đặc trưng của vùng đồng bằng ven biển và chịu ảnh hưởng của chế độ thủy triều.

Câu 3: Cho thông tin sau:

Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng có diện tích lãnh thổ lớn ở nước ta. Vùng có địa hình đa dạng, phức tạp, gồm các dãy núi cao, điển hình là dãy Hoàng Liên Sơn. Đất fe-ra-lit đỏ vàng chiếm 2/3 diện tích của vùng.

Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa, có mùa đông lạnh, phân hóa rõ rệt theo độ cao địa hình. Điều này đã tạo nên thế mạnh để phát triển: trồng cây công nghiệp, cây ăn quả, chăn nuôi gia súc lớn,...

- a) Cây chè phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do diện tích đất fe-ra-lit lớn, địa hình đồi núi cao.

- b) Sự phân hóa địa hình, đất, khí hậu là cơ sở để đa dạng hóa cơ cấu cây trồng.
- c) Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn của nước ta.
- d) Vùng có thể mạnh để phát triển cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt và ôn đới.

Câu 3 (VD):

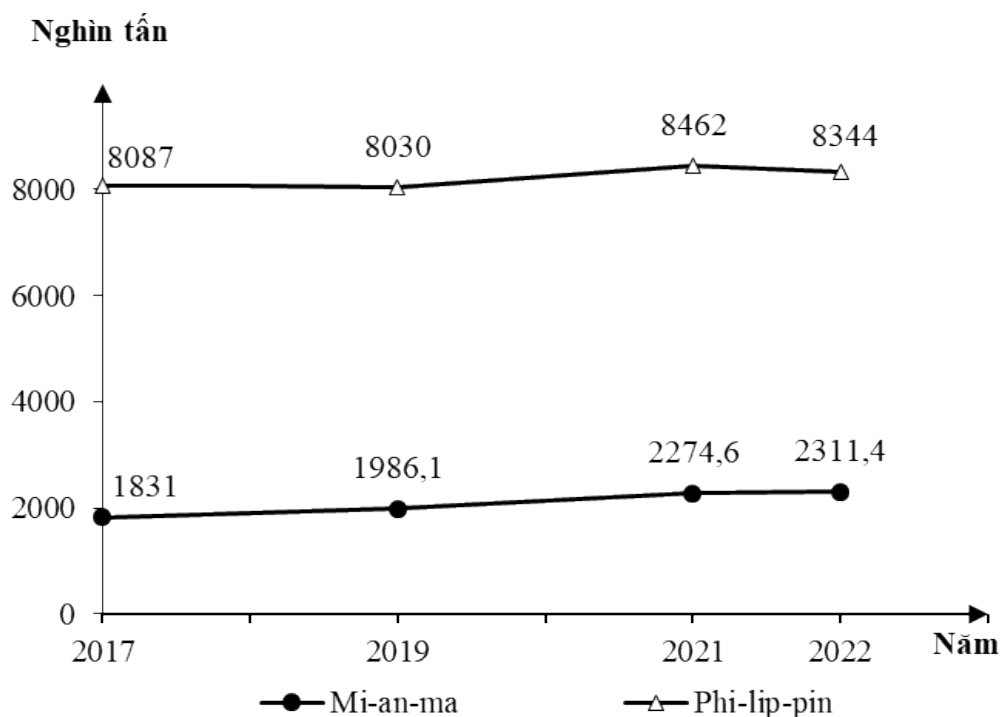
Phương pháp:

Dựa vào đoạn thông tin và nội dung khai thác các thể mạnh ở Trung du và miền núi Bắc Bộ.

Cách giải:

- a) Sai. Cây chè phát triển mạnh trong vùng chủ yếu do diện tích đất fe-ra-lit lớn, khí hậu có mùa đông lạnh và phân hoá rõ rệt theo độ cao địa hình.
- b) Đúng. Sự khác biệt về độ cao địa hình tạo ra các tiểu vùng khí hậu khác nhau, cùng với sự đa dạng của các loại đất đã tạo điều kiện cho vùng phát triển nhiều loại cây trồng khác nhau, từ cây công nghiệp, cây ăn quả đến các loại rau màu và cây dược liệu.
- c) Đúng. Trung du và miền núi Bắc Bộ là vùng chuyên canh cây công nghiệp lớn thứ ba cả nước sau Đông Nam Bộ và Tây Nguyên.
- d) Đúng. Khí hậu nhiệt đới ẩm gió mùa có mùa đông lạnh và sự phân hóa theo độ cao tạo điều kiện thuận lợi cho việc trồng các loại cây công nghiệp có nguồn gốc cận nhiệt (điển hình là chè) và thậm chí một số loại có nguồn gốc ôn đới ở các vùng núi cao.

Câu 4: Cho biểu đồ sau:



(Nguồn: Niên giám thống kê ASEAN 2023)

- a) Năm 2022, sản lượng ngô của Phi-lip-pin gấp 3,61 lần Mi-an-ma.
- b) Giai đoạn 2017 - 2022, tốc độ tăng sản lượng ngô của Mi-an-ma hơn tốc độ tăng sản lượng ngô Phi-lip-pin 25,6%.
- c) Năm 2022 so với năm 2017, sản lượng ngô của Mi-an-ma tăng 480,4 nghìn tấn.
- d) Giai đoạn 2017 - 2022, tốc độ tăng sản lượng ngô của Mi-an-ma là 146%.

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

a) Lấy sản lượng ngô năm 2022 của Phi-lip-pin chia sản lượng ngô năm 2022 của Mi-an-ma.

b, d) Tính toán dựa vào công thức:

$$\text{Tốc độ tăng trưởng} = (\text{Giá trị thành phần} / \text{Tổng giá trị}) * 100$$

c) Lấy sản lượng ngô của Mi-an-ma năm 2022 trừ sản lượng ngô năm 2017.

Cách giải:

a) Đúng. Năm 2022, sản lượng ngô của Phi-lip-pin gấp: $8344/2311,4 = 3,61$ lần Mi-an-ma.

b) Sai.

- Tốc độ tăng sản lượng ngô của Mi-an-ma năm 2022 là: $(2311,4/1831)*100 = 126,2\%$

- Tốc độ tăng sản lượng ngô của Phi-lip-pin năm 2022 là: $(8344/8087)*100 = 103,2\%$

=> Giai đoạn 2017 - 2022, tốc độ tăng sản lượng ngô của Mi-an-ma hơn tốc độ tăng sản lượng ngô Phi-lip-pin: $126,2 - 103,2 = 23\%$.

c) Đúng. Năm 2022 so với năm 2017, sản lượng ngô của Mi-an-ma tăng: $2311,4 - 1831 = 480,4$ nghìn tấn.

d) Sai. Giai đoạn 2017 - 2022, tốc độ tăng sản lượng ngô của Mi-an-ma là 126,2% (dựa vào phần giải thích ý b)

PHẦN III. Câu trắc nghiệm trả lời ngắn. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 6

Câu	1	2	3	4	5	6
Đáp án	11,4	5,1	451	62,1	2675	28,3

Câu 1: Cho bảng số liệu:

Nhiệt độ không khí trung bình các tháng trong năm 2023 tại trạm quan trắc Huế

(Đơn vị: $^{\circ}\text{C}$)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
-------	---	---	---	---	---	---	---	---	---	----	----	----

Nhiệt độ	19,0	22,2	23,5	27,4	28,9	29,9	30,1	30,4	28,1	26,0	24,6	22,1
----------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------	------

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết biên độ nhiệt năm 2023 của trạm quan trắc Huế là bao nhiêu $^{\circ}\text{C}$? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân).

Câu 1 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Biên độ nhiệt = Nhiệt độ tháng cao nhất – Nhiệt độ tháng thấp nhất

Cách giải:

Biên độ nhiệt năm 2023 của trạm quan trắc Huế là: $30,4 - 19,0 = 11,4^{\circ}\text{C}$

Câu 2: Cho bảng số liệu:

**Khối lượng hàng hoá vận chuyển của cả nước và ngành vận tải đường bộ
năm 2010 và năm 2023**

(Đơn vị: nghìn tấn)

Năm	2010	2023
Tổng số	800 886,0	2 351 241,7
Trong đó: Đường bộ	587 014,2	1 842 204,1

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2011, năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ năm 2023 hơn tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ năm 2010 bao nhiêu %? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 2 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tỉ trọng = (Giá trị thành phần/Tổng giá trị)*100

Cách giải:

Tỉ trọng khối lượng hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ năm 2023 hơn tỉ trọng khối lượng hàng hóa vận chuyển bằng đường bộ năm 2010 là:

$[(1\,842\,204,1/2\,351\,241,7)*100] - [(587\,014,2/800\,886,0)*100] = 5,1\%$

Câu 3: Cho bảng số liệu:

**Lượng mưa trung bình hàng tháng năm 2023 tại trạm quan trắc Quy Nhơn
và trạm quan trắc Pleiku**

(Đơn vị: mm)

Tháng	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
Quy Nhơn	140,4	105,1	28,6	10,6	84,3	42,2	107,6	11,9	324,9	449,2	393,7	178,0
Pleiku	10,3	0,4	4,9	38,0	279,3	362,2	539,7	295,2	499,4	280,2	17,9	0,2

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam năm 2023)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, hãy cho biết tổng lượng mưa cả năm của Pleiku lớn hơn tổng lượng mưa cả năm của Quy Nhơn bao nhiêu mm? (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)

Câu 3 (TH):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Tổng lượng mưa năm = lượng mưa tháng 1 + lượng mưa tháng 2 + lượng mưa tháng 3 + ... + lượng mưa tháng 12

Cách giải:

Tổng lượng mưa cả năm của Pleiku lớn hơn tổng lượng mưa cả năm của Quy Nhơn:

$$(10,3 + 0,4 + 4,9 + \dots + 0,2) - (140,4 + 105,1 + 28,6 + \dots + 178,0) = 451 \text{ mm}$$

Câu 4: Năm 2023, dân số của nước ta là 100,3 triệu người, tỉ lệ dân nông thôn là 61,9%. Hãy cho biết dân số nông thôn của nước ta năm 2023 là bao nhiêu triệu người? (làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)

Câu 4 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

$$\text{Giá trị thành phần} = (\text{Tỉ lệ giá trị thành phần} \times \text{Tổng giá trị}) / 100$$

Cách giải:

Số dân nông thôn của nước ta năm 2023 là:

$(61,9 \times 100,3) / 100 = 62,1$ triệu người

Câu 5: Năm 2023, nước ta có sản lượng điện đạt 268,3 tỉ kWh, dân số là 100,3 triệu người. Hãy cho biết, sản lượng điện bình quân đầu người năm 2023 của nước ta là bao nhiêu kWh/người *(làm tròn kết quả đến hàng đơn vị)*.

Câu 5 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Sản lượng điện bình quân đầu người = Sản lượng điện/Số dân

Lưu ý đổi đơn vị.

Cách giải:

Đổi 268,3 tỉ kWh = 268300 triệu kWh

Sản lượng điện bình quân đầu người năm 2023 của nước ta là:

$268300 / 100,3 = 2675$ kWh/người

Câu 6: Năm 2023, trị giá xuất khẩu nước ta là 354,7 tỉ USD, trị giá nhập khẩu của nước ta là 326,4 tỉ USD. Hãy cho biết cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2023 là bao nhiêu tỉ USD. *(làm tròn kết quả đến một chữ số thập phân)*

Câu 6 (VD):

Phương pháp:

Dựa vào công thức tính:

Cán cân xuất nhập khẩu = Giá trị xuất khẩu – Giá trị nhập khẩu

Cách giải:

Cán cân xuất nhập khẩu của nước ta năm 2023 là: $354,7 - 326,4 = 28,3$ tỉ USD

----- HẾT -----